

Bản án số: 34/2024/HS-ST

Ngày: 11 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Minh Tuấn

Thẩm phán: Ông Dương Văn Bản.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Tuấn.

2. Bà Phạm Thị Thu Hiền.

3. Ông Hoàng Minh Đức.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Khánh Tùng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Văn T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 14 tháng 6 năm 1978, tại Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: Thôn D, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá lớp: 04/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Phạm Văn C; Con bà Hoàng Thị M; có vợ là Nguyễn Thị O (đã ly hôn); có 04 con. Hiện đang sống như vợ chồng với chị Triệu Thị H (bị hại trong vụ án); Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2023 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh T. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo do Đoàn Luật sư tỉnh T phân công: Bà Hoàng Thị H1 - Luật sư văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh T. (có mặt)

Bị hại: Chị Triệu Thị H, sinh năm 1985. (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Văn C, sinh năm 1951. (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn D, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người làm chứng:

1. Bà Dương Thị B, sinh năm 1953 (có mặt)
2. Anh Triệu Văn T1, sinh năm 1992. (có mặt)
3. Anh Dương Văn N, sinh năm 1990. (có mặt)
4. Chị Triệu Thị K, sinh năm 1973. (có mặt)

Đều trú tại: Xóm K, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

5. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1974. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đồng Nhân, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

6. Anh Phạm Văn P, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu dân cư Dương Nham, phường Phạm Thái, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T và chị Triệu Thị H, (sinh năm 1985, nơi thường trú xóm Đ, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên) chung sống như vợ chồng và cùng ở tại cửa hàng tạp hóa của chị H tại xóm K, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình chung sống giữa T với chị H có nhiều mâu thuẫn cãi nhau do T hay ghen và nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người khác. Khoảng đầu tháng 8/2023 bà Dương Thị B, (sinh năm 1953, trú tại xóm K, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên) là mẹ đẻ của chị H yêu cầu T không ở cùng chị H nữa nên T đến ở tại nơi làm việc là mỏ đá Nước Lạnh 2 thuộc Công ty TNHH T2 tại xóm Làng Mới, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó, T nhiều lần gặp, gọi điện thoại nhắn tin muốn hàn gắn tình cảm với chị H nhưng không được nên đã nhắn tin cho chị H đe dọa sẽ cùng chết với nhau. T cấm chị H không được đi hát karaoke và không được chơi với một số người thân trong gia đình và bạn bè của chị H.

Tối ngày 29/8/2023, T ăn cơm uống rượu tại mỏ đá sau đó về phòng nghỉ ngơi. Khoảng 20 giờ ngày 29/8/2023 T nhận được điện thoại của anh Triệu Văn T1, sinh năm 1992, trú tại xóm K, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên (là cháu họ của chị H) trách T sao lại cấm không cho chị H đi hát karaoke. T trả lời T1 do tình cảm giữa T với chị H trục trặc. T nghe thấy tiếng chị H trong điện thoại chửi và thách thức T sang gặp chị H nên T bực tức nảy sinh ý định dùng dao đâm chị H. T lấy từ giường ngủ 1 con dao nhọn dài tổng thể 63cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 39cm để trong bao dao bằng nhựa rồi điều khiển xe mô tô Wave, không có biển kiểm soát của T đi đến cửa hàng tạp hóa của chị H. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày. T đi cách cửa hàng tạp hóa của chị H khoảng 10 mét thì T dừng xe, quay đầu xe rồi cầm con dao đi bộ vào bên trong cửa hàng tạp hóa của chị H. Lúc này, T1 và anh Dương Văn N1, sinh năm 1990, trú tại xóm K, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên ra ngoài đi vệ sinh, bà B đi ra phía sau cửa hàng. Khi T đi vào bên trong cửa hàng tạp hóa có chị H cùng chị Triệu Thị K, sinh năm 1973, trú tại xóm K, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên và anh

Nguyễn Văn S, sinh năm 1994, trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đang ngồi uống nước. T đi đến phía sau chị H rút dao ra khỏi bao rồi cầm dao đâm nhiều nhát về phía H trong đó 01 nhát trúng vào sườn phải của H làm H bị ngã xuống nền nhà, ngoài ra T còn đâm 1 nhát làm thủng mặt trên tủ lạnh bảo ôn. T tiếp tục cầm dao đâm chị H liên tiếp nhiều nhát thì S lấy chiếc bàn gỗ can ngăn che chắn cho chị H, sau đó K, S bỏ chạy ra ngoài. H bị T đâm trúng nhiều nhát trong đó có 03 nhát trúng vào vùng ngực làm H bị thương nặng, chảy máu. Đồng thời lúc này T1 và N1 chạy đến cầm chiếc ghế gỗ dài đẩy về phía T để can và đẩy trúng người T làm T bị ngã xuống nền nhà. T ngồi dậy ném con dao về phía T1 và N1 nhưng không trúng mà xuyên thủng vách tường bằng kim loại của cửa hàng T3 rồi bỏ chạy ra lấy xe mô tô còn H bước loạng choạng đến sân nhà bố mẹ của H bên cạnh cửa hàng T3 thì gục ngã do bị thương nặng, được gia đình sơ cứu, cầm máu sau đó chị H được người thân đưa đến Bệnh viện T4 cấp cứu với các thương tích gồm: 01 vết thương ở vùng ngực phải, vị trí khoảng liên sườn 2-3 cạnh xương ức; 01 vết thương vùng ngực trái khoảng liên sườn 2-3 cạnh xương ức, 01 vết thương vùng mạn sườn phải, khoảng liên sườn 8 - 9, đường nách sau và 01 vết thương phức tạp vùng ngực trái, khoảng liên sườn 2 đường giữa xương đòn.

Phạm Văn T điều khiển xe về mỏ đá Nước Lạnh 2 gặp anh Phạm Văn P, sinh năm 1980, trú tại Khu dân cư D, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương - là công nhân mỏ đá nói "Anh vừa đâm chết chị H" và hỏi vay tiền nhưng P không có nên không cho vay. Phê khuyển T đi đầu thú thì T nói sẽ về quê đầu thú. Sau đó T điều khiển xe mô tô đến khu vực chợ H2 thuộc xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để xe lại rìa đường rồi thuê xe taxi đến Công an xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng đầu thú.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường tại cửa hàng tạp hóa của Triệu Thị H. Anh Dương Văn N, Triệu Văn T1 và Triệu Thị K là những người làm chứng cùng xác định vị trí Phạm Văn T đứng cầm dao đâm Triệu Thị H đồng thời thu giữ dấu vết máu tại hiện trường.

- Tại bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số 751 ngày 31/8/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với Triệu Thị H kết luận:

Các kết quả chính: Tổn thương rách dạ dày đã xử trí, phẫu thuật khâu vỡ gan, khâu lỗ thủng cơ hoành, hiện tại có 02 vết thương phần mềm đang liền sẹo KT trung bình và 07 vết thương phần mềm đang liền sẹo, kích thước nhỏ.

Căn cứ thông tư số 22/TT - BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Triệu Thị H tại thời điểm giám định là 64% (sáu mươi tư phần trăm). Áp dụng phương pháp công tại thông tư.

Cơ chế hình thành thương tích: Do tác động của vật có cạnh sắc.

Kết luận khác: Hiện tại bệnh nhân đang nằm điều trị tại Bệnh viện, còn có các thương tích khác chưa thể đánh giá, xác định tỷ lệ được ngay, nên sau khi bệnh nhân ra viện Cơ quan CSĐT có thể trưng cầu giám định bổ sung.

- Tại bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số: 879/KLTTCT - TTPY ngày 15 tháng 10 năm 2023 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với Triệu Thị H kết luận:

Các tổn thương đã được mô tả ở Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 751/KLTTCT - TTPY ngày 31/8/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh T tổng tỷ lệ 64% (sáu mươi tư phần trăm) gồm:

- Tổn thương dạ dày đã xử trí, tỷ lệ 26%
- Khâu vết thương vỡ gan, tỷ lệ 31%
- Khâu vết thủng cơ hoành, tỷ lệ 21%
- Sẹo vùng ngực vết 1, tỷ lệ 1%
- Sẹo vùng ngực vết 2, tỷ lệ 1%
- Sẹo vùng ngực vết 3, tỷ lệ 1%
- Sẹo dẫn lưu thành ngực phải, tỷ lệ 1%
- Sẹo mổ đường trắng giữa, tỷ lệ 2%
- Sẹo mạn sườn phải, tỷ lệ 2%
- Sẹo dẫn lưu vùng bụng phải, tỷ lệ 1%
- Sẹo dẫn lưu vùng bụng trái, tỷ lệ 1%.

Các tổn thương được giám định bổ sung gồm:

- Thủng tá tràng, tỷ lệ 26%
- Gãy 01 xương sườn, tỷ lệ 2%
- Tổn thương màng phổi, tỷ lệ 3%
- Sẹo khoang liên sườn 5 đường nách sau bên phải, tỷ lệ 2%.
- Sẹo dẫn lưu vùng bụng phải, tỷ lệ 2%
- Sẹo dẫn lưu vùng bụng trái, tỷ lệ 1%,

Tổng cộng: $64\% + 26\% + 2\% + 3\% + 2\% + 2\% + 1\% = 75,92\%$ (làm tròn số là 76%)

Căn cứ Thông tư số 22/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Triệu Thị H tại thời điểm giám định là 76% (bảy mươi sáu phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

- Tại bản kết luận giám định ADN số 24/KLGDADN TTPY ngày 07/10/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: ADN thu được trên con dao nhọn gửi giám định, ký hiệu A1 và dấu vết nghi máu thu tại hiện trường, ký hiệu H1 trùng khớp với ADN mẫu máu của Triệu Thị H trên các locus STR đã so sánh.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A61 do T giao nộp; 01 dao nhọn đã qua sử dụng, dài tổng thể 63cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 39cm và các vật chứng khác. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý,

Về phần dân sự: Bị hại Triệu Thị H yêu cầu Phạm Văn T bồi thường tổng số tiền 259.495.000 đồng. Ông Phạm Văn C (bố đẻ Phạm Văn T) sinh năm

1951, Trú tại: Thôn D, xã A, huyện T, Thành phố Hải Phòng đã tự nguyện thay T bồi thường cho bị hại Triệu Thị H số tiền 35.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, các kết luận giám định, vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 09/CT - VKS – (P2), ngày 17/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Phạm Văn Tuyên về tội “Giết người”, theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản chi phí cấp cứu, điều trị, tiền tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 235.000.000 đồng, xác định gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 35.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường cho Chị H khoản tiền trên.

Phân luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Giết người”;

Về hình phạt: Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 13 đến 14 năm tù.

Bồi thường dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại như sau: Bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền 235.000.000 đồng, được trừ số tiền 35.000.000 đồng đã bồi thường, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 200.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy những vật chứng không có giá trị sử dụng.
- Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A61 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Trong phần tranh luận bị cáo và bị hại không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân, động cơ phạm tội, nhân thân của bị cáo và cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, tạo cơ hội cho bị cáo được trở về với gia đình.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của người làm chứng, các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 29/8/2023, tại cửa hàng tạp hóa của chị Triệu Thị H thuộc xóm K, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, do có mâu thuẫn với chị H trong chuyện tình cảm, Phạm Văn T dùng 01 con dao nhọn dài tổng thể 63cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 39cm đâm 01 nhát trúng vào sườn phải của chị H, đâm 03 nhát trúng vào vùng ngực chị H gây thương tích cho chị H với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 76%.

Với hành vi nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo về tội: “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều 123 Bộ luật hình sự:

“1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a). ...

n). Có tính chất côn đồ...”

[3]. Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi của bị cáo đã gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã ra Cơ quan Công an đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã tác động để gia đình bồi thường một khoản tiền cho bị hại để khắc phục hậu quả, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội chưa đạt nên áp dụng Điều 57 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về Điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

[5]. Về bồi thường dân sự: Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản chi phí cấp cứu điều trị, tiền bồi thường về tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 235.000.000 đồng, được trừ đi số tiền 35.000.000 đồng đã bồi thường; còn phải bồi thường tiếp số tiền 200.000.000 đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường khoản tiền trên cho bị hại. Do bị cáo chưa bồi thường ngay nên cần áp dụng các quy định của pháp luật để buộc bị cáo phải bồi thường theo quy định.

[6]. Vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy số vật chứng không có giá trị sử dụng; Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A61 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8]. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Giết người”.

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn T: 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2023.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo Phạm Văn T 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 591, 357, 468 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho chị Triệu Thị H tổng số tiền 235.000.000 đồng; bị cáo đã bồi thường số tiền 35.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền: **200.000.000đ** (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- **Tịch thu tiêu hủy:** 01 (Một) niêm phong ký hiệu **H2**, bên trong có 01 mẫu máu tại vị trí (5) tại hiện trường; 01 (một) niêm phong ký hiệu **H3**, bên trong có 01 mẫu máu vị trí số (10) tại hiện trường; 01 (một) niêm phong ký hiệu

A2, bên trong có 01 ống nhựa màu đen, cũ, đã biến dạng, kích thước 40,5cm x 5,5cm; 01 bì niêm phong số **V553A-23** của V, bên trong có 01 con dao nhọn, đã qua sử dụng, dài tổng thể 63cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 39cm, chuôi dao bằng gỗ.

- **Tạm giữ để đảm bảo thi hành án:** 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, được niêm phong ký hiệu **Đ1**, trên mép dán có chữ ký của Lý Phúc K1, Hoàng Minh P1, Phạm Văn T và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, bên ngoài ghi điện thoại của Phạm Văn T.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 45 ngày 18 tháng 01 năm 2024 giữa Công an tỉnh T với Cục THADS tỉnh T).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Minh Tuấn

